## Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

**1. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công:**

<table>
<tr><th>Nội dung yêu cầu</th><th colspan="2">Mức độ đáp ứng</th></tr>
<tr><td rowspan="2">1.1. Tổ chức mặt bằng công trường bao gồm yêu cầu các nội dung sau:<br>(1) Bãi tập kết thiết bị thi công.<br>(2) Kho, bãi tập kết vật liệu.<br>(3) Lán trại, rào chắn, biển báo.<br>(4) Điện sinh hoạt, thông tin liên lạc, cấp, thoát nước phục vụ thi công.<br>(5) Giải pháp phòng cháy, chữa cháy</td><td>Có giải pháp, thuyết minh, bản vẽ mặt bằng minh họa, đầy đủ (bãi tập kết thiết bị thi công; Kho, bãi tập kết vật liệu; Lán trại, rào chắn, biển báo; Điện sinh hoạt, thông tin liên lạc, cấp, thoát nước phục vụ thi công; phòng cháy, chữa cháy), hợp lý, phù hợp với hiện trạng công trình xây dựng.</td><td>Đạt</td></tr>
<tr><td>Không có giải pháp, thuyết minh, bản vẽ mặt bằng minh họa (bãi tập kết thiết bị thi công; Kho, bãi tập kết vật liệu; Lán trại, rào chắn, biển báo; Điện sinh hoạt, thông tin liên lạc, cấp, thoát nước phục vụ thi công; phòng cháy, chữa cháy) hoặc có có giải pháp, thuyết minh, bản vẽ mặt bằng minh họa (bãi tập kết thiết bị thi công; Kho, bãi tập kết vật liệu; Lán trại, rào chắn, biển báo; Điện sinh hoạt, thông tin liên lạc, cấp, thoát nước phục vụ thi công; phòng cháy, chữa cháy) nhưng còn thiếu hoặc không hợp lý, không phù hợp với hiện trạng công trình xây dựng</td><td>Không đạt</td></tr>
<tr><td rowspan="2">1.2. Sơ đồ và thuyết minh tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường.<br>(1) Biểu bố trí nhân sự điều hành để đảm bảo tiến độ, chất lượng<br>(2) Trách nhiệm đối với từng</td><td>Có sơ đồ và thuyết minh tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường, có bố trí nhân sự điều hành để đảm bảo tiến độ, chất lượng, có nêu trách nhiệm đối với từng thành viên, đầy đủ, hợp lý, khả thi.</td><td>Đạt</td></tr>
<tr><td>Không có sơ đồ và thuyết minh tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường hoặc có sơ đồ và thuyết minh tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường nhưng không bố</td><td>Không đạt</td></tr>
</table>

| | | |
|---|---|---|
| thành viên | trí nhân sự điều hành để đảm bảo tiến độ, chất lượng hoặc có sơ đồ và thuyết minh tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường nhưng không nêu trách nhiệm đối với từng thành viên. | |
| 1.3. Thuyết minh biện pháp thi công | Có thuyết minh tổng thể, chi tiết biện pháp thi công xây dựng các hạng mục của công trình, đầy đủ, hợp lý, khả thi theo bản vẽ mời thầu | **Đạt** |
| | Không có thuyết minh tổng thể, chi tiết biện pháp thi công xây dựng các hạng mục của công trình hoặc có thuyết minh tổng thể biện pháp thi công xây dựng các hạng mục của công trình nhưng thiếu thuyết minh chi tiết biện pháp thi công xây dựng các hạng mục của công trình hoặc có thuyết minh tổng thể, chi tiết biện pháp thi công xây dựng các hạng mục của công trình nhưng không đầy đủ hoặc không hợp lý hoặc không khả thi theo bản vẽ mời thầu | **Không đạt** |
| 1.4 Bản vẽ tổ chức thi công một số hạng mục chính: Thi công rải căng dây lấy độ võng; Thi công đào móng cột, trụ, đổ bê tông; Thi công lắp dựng cột; thi công kéo dây vượt đường giao thông. | Có đầy đủ bản vẽ tổ chức thi công theo danh mục | **Đạt** |
| | Không có bản vẽ tổ chức thi công hoặc có nhưng không đầy đủ theo danh sách | **Không đạt** |
| 1.5. Bảo đảm an toàn giao thông khi tổ chức thi công | Có thuyết minh và kèm theo bản vẽ bố trí an toàn giao thông tại các nút giao với đường tỉnh, đường liên huyện, liên xã, thôn trên cơ sở bản vẽ mời thầu, có bản cam kết không sử dụng xe quá khổ, xe quá tải, chở quá tải phục vụ cho gói thầu | **Đạt** |
| | Không có thuyết minh và kèm theo bản vẽ bố trí an toàn giao thông tại các nút giao với đường tỉnh, đường liên huyện, liên xã, thôn trên cơ sở bản vẽ mời thầu, không có bản cam kết không xử dụng xe quá khổ, xe quá tải, chở quá tải phục vụ cho gói thầu hoặc có thuyết minh và kèm theo bản vẽ bố trí an toàn giao thông tại các nút giao với đường tỉnh, đường liên huyện, liên xã, thôn trên cơ sở bản vẽ mời thầu, nhưng không có bản cam kết không xử dụng xe quá khổ, xe quá tải, chở quá tải phục vụ cho gói thầu hoặc có thuyết minh và kèm theo bản vẽ bố trí an toàn giao thông tại các | **Không đạt** |

| | | |
|---|---|---|
| | nút giao với đường tỉnh, đường liên huyện, liên xã, thôn, có bản cam kết không xử dụng xe quá khổ, xe quá tải, chở quá tải phục vụ cho gói thầu nhưng thuyết minh, bản bẽ bố trí an toàn giao thông tại các nút giao với đường tỉnh, đường liên huyện, liên xã, thôn không hợp lý, không khả thi theo bản vẽ mời thầu. | |
| 1.6. Công tác chuẩn bị khởi công | Có công tác chuẩn bị khởi công hợp lý, đầy đủ, phù hợp quy mô tính chất gói thầu và điều kiện địa phương | **Đạt** |
| | Không có hoặc có công tác chuẩn bị khởi công nhưng chưa hợp lý, sơ sài; không phù hợp quy mô, tính chất gói thầu và điều kiện địa phương | **Không đạt** |
| 1.7. Hoàn trả lại mặt bằng, đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật lân cận, sữa chữa hoặc thay mới các bộ phận công trình hiện trạng nếu có hư hại trong quá trình thi công | Có giải pháp, biện pháp hoàn trả lại mặt bằng, đường xá, hạ tầng kỹ thuật, sửa chữa hoặc thay mới các bộ phận công trình hiện trạng nếu có hư hại trong quá trình thi công phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng<br>Có cam kết bằng văn bản các nội dung nêu trên | **Đạt** |
| | Không có cam kết bằng văn bản và không có giải pháp, biện pháp hoàn trả mặt bằng, đường xá, hạ tầng kỹ thuật, sửa chữa hoặc thay mới các bộ phận công trình hiện trạng nếu có hư hại trong quá trình thi công phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng | **Không đạt** |
| **Kết luận** | Các tiêu chí trên được xác định là đạt. | **Đạt** |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | **Không đạt** |

**2. Tiến độ thi công**

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|---|
| 2.1. Thời gian thi công đảm bảo thời gian không quá **90 ngày** (bao gồm cả thời gian kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan quản lý Nhà nước), có tính điều kiện thời tiếtkể từ ngày khởi công. | Đề xuất thời gian thi công không vượt quá **90 ngày** có tính đến điều kiện thời tiết và đáp ứng yêu cầu tại Chương V-E HSMT. | **Đạt** |
| | Đề xuất thời gian thi công vượt quá **90 ngày** hoặc đề xuất thời gian thi công không vượt quá **90 ngày**, nhưng không tính đến điều kiện thời tiết hoặc không đáp ứng yêu cầu tại Chương V-E HSMT | **Không đạt** |
| 2.2. Tính phù hợp: | Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung | **Đạt** |

| | | |
|---|---|---|
| a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công<br>b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công | a) và b). | |
| | Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b). | **Không đạt** |
| 2.3 Bảng tiến độ thi công bao gồm tiến độ cho các hạng mục chính theo yêu cầu của E-HSMT gồm: Bảng tiến độ thời gian, biểu đồ nhân lực, biểu đồ huy động vật tư vật liệu, biểu đồ huy động máy thiết bị thi công phù hợp với đề xuất kỹ thuật | Có biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật, trình bầy đầy đủ, đáp ứng được các nội dung cơ bản theo yêu cầu của HSMT. | **Đạt** |
| | Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật, không đầy đủ biểu đồ theo yêu cầu | **Không đạt** |
| **Kết luận** | Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác địnhlà đạt. | **Đạt** |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | **Không đạt** |

**3. Tổ chức quản lý dự án, quản lý hiện trường:**

| **Nội dung yêu cầu** | **Mức độ đáp ứng** | |
|---|---|---|
| 3.1 Tổ chức quản lý dự án | Có thuyết minh về tổ chức quản lý dự án đầy đủ phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | **Đạt** |
| | Không đề xuất hoặc đề xuất không đầy đủ các nội dung trên. | **Không đạt** |
| 3.2 Tổ chức quản lý hiện trường | Có thuyết minh tổ chức hiện trường đầy đủ phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | **Đạt** |
| | Không đề xuất hoặc đề xuất không đầy đủ các nội dung trên. | **Không đạt** |
| **Kết luận** | Các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | **Đạt** |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | **Không đạt** |

**4.Các biện pháp bảo đảm chất lượng**

| **Nội dung yêu cầu** | **Mức độ đáp ứng** | |
|---|---|---|
| 4.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công đối với các việc sau: Thi công rải căng dây lấy độ võng; Thi công đào móng cột, trụ, đổ bê tông; Thi công lắp | Có biện pháp bảo đảm chất lượng đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu cầu, hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | **Đạt** |
| | Không có biện pháp đảm bảo chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, thiếu không đầy đủ các nội dung | **Không đạt** |

| | | |
|---|---|---|
| dựng cột; thi công kéo dây vượt đường giao thông, an toàn giao thông, an toàn lao động. và các hạng mục khác theo thiết kế được duyệt | yêu cầu, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, tiến độ thi công. | |
| 4.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công. | Có biện pháp bảo đảm chất lượng đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu cầu, hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | **Đạt** |
| | Không có biện pháp đảm bảo chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, thiếu không đầy đủ các nội dung yêu cầu, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, tiến độ thi công. | **Không đạt** |
| 4.3 Lập bảng kế hoạch thí nghiệm vật tư, vật liệu, thiết bị đầu vào phù hợp; Biện pháp kiểm tra, đánh giá chất lượng vật liệu và nghiệm thu trước khi đưa vào thi công; Giải pháp xử lý vật tư, vật liệu và thiết bị phát hiện không phù hợp với yêu cầu của gói thầu | Có biện pháp bảo đảm chất lượng đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu cầu, hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | **Đạt** |
| | Không có biện pháp đảm bảo chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, thiếu không đầy đủ các nội dung yêu cầu, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, tiến độ thi công. | **Không đạt** |
| 4.4 Biện pháp bảo quản vật liệu, công trình khi mưa bão | Có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão hợp lý, khả thi | **Đạt** |
| | Không có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão hoặc có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão nhưng không hợp lý, không khả thi, thiếu không đầy đủ các nội dung yêu cầu, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, tiến độ thi công. | **Không đạt** |
| 4.5 Biện pháp xử lý sai sót giữa thực tế - bản vẽ - khối lượng theo hợp | Có biện pháp xử lý sai sót giữa thực tế - bản vẽ - khối lượng theo hợp đồng trong quá trình thi công xây dựng hợp lý, khả thi | **Đạt** |

| | | |
|---|---|---|
| đồng trong quá trình thi công xây dựng | Không có hoặc Có biện pháp xử lý sai sót giữa thực tế - bản vẽ - khối lượng theo hợp đồng trong quá trình thi công xây dựng nhưng không hợp lý, không khả thi | **Không đạt** |
| 4.6. Quản lý tài liệu, hồ sơ, nhật ký thi công, bản vẽ hoàn công, nghiệm thu, thí nghiệm, thanh quyết toán | Có giải pháp, biện pháp chi tiết, hợp lý, khoa học, đúng quy định hiện hành | **Đạt** |
| | Không có hoặc có nhưng không chi tiết, không hợp lý, sơ sài, không phù hợp, không đúng quy định | **Không đạt** |
| **Kết luận** | Cả 6 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | **Đạt** |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt | **Không đạt** |

**5. Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòngcháy, chữa cháy, an toàn lao động**

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|---|
| **5.1. An toàn lao động** | | |
| Biện pháp an toàn lao động | Có thuyết minh biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, đầy đủ theo hạng mục của bản vẽ mời thầu | **Đạt** |
| | Không có thuyết minh biện pháp an toàn lao động hoặc có thuyết minh biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý hoặc không khả thi hoặc không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công hoặc không đầy đủ theo hạng mục của bản vẽ mời thầu | **Không đạt** |
| **5.2. Phòng cháy, chữa cháy** | | |
| Biện pháp phòng cháy, chữa cháy thi công và lán trại | Có thuyết minh biện pháp phòng cháy, chữa cháy thi công và lán trại hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | **Đạt** |
| | Không có thuyết minh biện pháp phòng cháy, chữa cháy thi công và lán trại hoặc có thuyết minh biện pháp phòng cháy, chữa cháy thi công nhưng không có thuyết minh biện pháp phòng cháy, chữa cháy lán trại hoặc có thuyết minh biện pháp phòng cháy, chữa cháy thi công và lán trại nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | **Không đạt** |
| **5.3. Vệ sinh môi trường** | | |
| Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Có thuyết minh biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường khu vực công nhân ở và hiện trường thi công hợp lý, khả thi, đầy đủ theo bản vẽ mời thầu | **Đạt** |
| | Không có thuyết minh biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường khu vực công nhân ở và hiện trường | **Không đạt** |

| | | |
|---|---|---|
| | thi công hoặc có thuyết minh biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường khu vực công nhân ở nhưng không có thuyết minh biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường hiện trường thi công hoặc có thuyết minh biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường khu vực công nhân ở và hiện trường thi công nhưng không hợp lý, không đầy đủ theo bản vẽ mời thầu. | |
| **Kết luận** | Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | **Đạt** |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | **Không đạt** |

**6. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu và thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó**

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|---|
| **6.1. Bảo hành công trình** | | |
| Thời gian bảo hành công trình, thiết bị và cam kết bảo hành | - Có đề xuất thời gian bảo hành ≥ 24 tháng.<br>- Có cam kết và biện pháp thực hiện nghĩa vụ bảo hành khi có hư hỏng xảy ra chi tiết theo từng hạng mục. | **Đạt** |
| | Không có hoặc có nhưng không đáp ứng các nội dung trên | **Không đạt** |
| **6.2. Uy tín của nhà thầu** | | |
| Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu (không thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hànhhoàn thiện, ký kết hợp đồng); thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó và có lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, từ năm 2023 đến nay. | Không Có Hợp đồng chậm tiến độ do nguyên nhân từ nhà thầu từ năm 2023 đến nay, có Cam kết của nhà thầu về việc khi tham dự thầu không có gói thầu nào (không thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng). | **Đạt** |
| | Có một hợp đồng chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu nhưng lại có một hợp đồng tương tự khác được giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng và có Cam kết của nhà thầu về việc khi tham dự thầu không có gói thầu nào (không thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng). | **Chấp nhận được** |
| | Có hợp đồng chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu và không có hợp đồng tương tự nào được giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng và không thương thảo hợp đồng hoặc có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện ký kết hợp đồng với bất kỳ bên mời thầu nào. | **Không đạt** |
| **6.3. Kết quả thực hiện hợp đồng** | | |
| Cơ sở dữ liệu quốc gia về nhà thầu | Có cam kết thực hiện đúng theo Điều 19, Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 | **Đạt** |
| | Không có cam kết hoặc có cam kết nhưng không đáp ứng theo Điều 19, Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 | **Không đạt** |
| **Kết luận** | Tiêu chuẩn chi tiết 6.1,6.3 được xác định là đạt, tiêu chuẩn chi tiết 6.2 được xác định là đạt hoặc chấp nhận | **Đạt** |

| | | |
|---|---|---|
| | được. | |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | **Không đạt** |

**7. Các yếu tố cần thiết khác: Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng, thí nghiệm**

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|---|
| 7.1. Đối với các thiết bị, vật tư, vật liệu chính | Có đầy đủ hợp đồng nguyên tắc với các đơn vị cung cấp vật tư, vật liệu, thiết bị đảm bảo chất lượng, thông số kỹ thuật, chủng loại phù hợp với nội dung trong (E-HSMT). Yêu cầu hợp đồng nguyên tắc phải nêu cụ thể cung cấp cho gói thầu do nhà thầu tham dự: (*xi măng, cát các loại; đá các loại; thép tròn các loại; Chuỗi cách điện; dây điện; khóa néo và đầu cos; Ống gen cách điện; biển báo; cột thép*)<br>* Kèm theo bản chụp chứng thực giấy phép đăng ký kinh doanh của đơn vị cung cấp để chứng minh phù hợp với yêu cầu E-HSMT | **Đạt** |
| | Không có hợp đồng nguyên tắc hoặc có hợp đồng nguyên tắc nhưng không nêu cụ thể cung cấp cho gói thầu hoặc thiếu 01 trong những vật liệu, thiết bị nêu trên hoặc không phù hợp với thông số kỹ thuật, kích thước, chủng loại…. theo yêu cầu trong E-HSMT | **Không đạt** |
| 7.2. Đối với các vật tư, vật liệu đổ bê tông. | Có bố trí vị trí để trộn, vận chuyển bê tông | **Đạt** |
| | Có cam kết, hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp bê tông. | **Chấp nhận được** |
| | Không bố trí vị trí để trộn, vận chuyển bê tông và không có cam kết, hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp bê tông | **Không đạt** |
| 7.3. Bảng kê danh mục thiết bị, vật tư chính sử dụng cho công trình ghi rõ: nguồn gốc vật tư; nhãn hiệu vật tư….. | Có bảng kê vật tư, vật liệu theo danh mục sau: (*xi măng, cát các loại; đá các loại; thép tròn các loại; Chuỗi cách điện; dây điện; khóa néo và đầu cos; Ống gen cách điện; biển báo; cột thép)* | **Đạt** |
| | Không có bảng kê vật tư, vật liệu hoặc có nhưng thiếu theo danh mục sau: (*xi măng, cát các loại; đá các loại; thép tròn các loại; Chuỗi cách điện; dây điện; khóa néo và đầu cos; Ống gen cách* | **Không đạt** |

| | | |
|---|---|---|
| | *điện; biển báo; cột thép)* | |
| 7.4. Nhà thầu phải bố trí phòng thí nghiệm hợp chuẩn và tài liệu chứng minh. Nếu trường hợp đi thuê, Nhà thầu phải ký hợp đồng nguyên tắc thí nghiệm vật tư, vật liệu, kiểm định chất lượng công trình với đơn vị có năng lực kinh nghiệm, uy tín và có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và điện còn hiệu lực | Có đề xuất phòng thí nghiệm hợp chuẩn và tài liệu chứng minh. Trường hợp đi thuê có hợp đồng nguyên tắc, bản chụp được chứng thực giấy phép kinh doanh và Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và điện còn hiệu lực | **Đạt** |
| | Không có đề xuất phòng thí nghiệm hoặc đề xuất nhưng không có tài liệu chứng minh. Không có hợp đồng nguyên tắc và bản chụp được chứng thực giấy phép kinh doanh và Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và điện còn hiệu lực | **Không đạt** |
| **Kết luận** | Tiêu chuẩn chi tiết 7.1, 7.3, 7.4 được xác định là đạt, tiêu chuẩn chi tiết 7.2 được xác định là đạt hoặc chấp nhận được. | **Đạt** |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | **Không đạt** |

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo